

Số: 247/QĐ-AN

Gò Vấp, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách
quý III năm 2023 của Trường Trung học cơ sở An Nhơn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN NHƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; Giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của kế toán trường THCS An Nhơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai đánh giá thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2023 của Trường Trung học cơ sở An Nhơn (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ trường Trung học cơ sở An Nhơn thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Dương Hoàng Dũng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

QUÝ 3 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

TT	NỘI DUNG	Thực hiện quý 3
I	I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ	1.282.430.662
	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.282.430.662
	Chi khác	1.282.430.662
	II. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	8.547.831.741
	- Tiền lương	1.120.220.737
	Lương theo ngạch, bậc	1.120.220.737
	- Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	56.160.000
	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	56.160.000
	- Phụ cấp lương	1.010.428.286
	Phụ cấp chức vụ	17.954.500
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	363.308.459
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	894.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	330.184.149
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	894.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	145.622.170
	Phụ cấp khác	151.571.008
	- Tiền thưởng	32.850.000
	Thưởng thường xuyên	32.850.000
	- Các khoản đóng góp	316.899.559
	Bảo hiểm xã hội	235.292.016
	Bảo hiểm y tế	41.178.174
	Kinh phí công đoàn	26.890.513
	Bảo hiểm thất nghiệp	13.538.856
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	23.431.886
	Tiền điện	20.191.886
	Tiền vệ sinh, môi trường	3.240.000
	- Vật tư văn phòng	7.164.060
	văn phòng phẩm	7.164.060
	- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	31.343.819
	Cước phí điện thoại (không gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	56.219
	Tuyên truyền; quảng cáo	31.287.600
	- Công tác phí	4.500.000
	Khoản công tác phí	4.500.000
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	967.313.394
	Nhà cửa	960.307.393
	Các thiết bị công nghệ thông tin	3.280.001
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	3.726.000
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	10.000.000
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	10.000.000
	- Chi khác	4.967.520.000
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	4.967.520.000
	TỔNG CỘNG	9.830.262.403